

Số: 30 /2021/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 11 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 80/2017/TT-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do Nhà nước giao quản lý sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 387/TTr-STNMT ngày 13 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2021. Các Quyết định hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, gồm: Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau; Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người sử dụng đất và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT tỉnh Cà Mau;
- Báo Cà Mau;
- Phòng NN-TN (Nguyên, 58/9);
- Lưu: VT, Ktr503/10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 30 /2021/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định của Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 (sau đây gọi là Luật Đất đai) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.
2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Mục 1 BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT

Điều 3. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất

Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai.



Điều 4. Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai.

Điều 5. Những trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất

Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất trong các trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Đất đai.

Điều 6. Căn cứ để xác định loại đất tính bồi thường

1. Việc xác định loại đất để tính bồi thường theo một trong các căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Luật Đất đai.

2. Đối với trường hợp người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai thì việc xác định loại đất tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 01/2017/NĐ-CP).

Điều 7. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

1. Việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) và Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi là Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT).

2. Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì chi phí đã đầu tư vào đất còn lại được tính bằng 50% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành nhân (x) với diện tích đất bị thu hồi.

Điều 8. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Điều 77 Luật Đất đai và Điều 4 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức quy định tại Điều 129 Luật Đất đai thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Điều 7 Quy định này.



3. Đối với diện tích đất nông nghiệp do nhận chuyển quyền sử dụng đất vượt hạn mức trước ngày Luật Đất đai có hiệu lực thi hành thì việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Điều 9. Bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng

Việc bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (sau đây gọi là Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT) được thực hiện cụ thể như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở khi Nhà nước thu hồi đất mà phần diện tích đất còn lại của thửa đất sau thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng, nếu người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thu hồi có trách nhiệm xem xét từng trường hợp để quyết định thu hồi đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Việc bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo Quy định này.

Điều 10. Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp vượt hạn mức do nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân

1. Việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp vượt hạn mức do nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều 77 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 do được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ người khác theo quy định của pháp luật nhưng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai thì chỉ được bồi thường đối với diện tích đất trong hạn mức giao đất nông nghiệp. Đối với phần diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp thì không được bồi thường về đất nhưng được hỗ trợ khác như theo quy định tại Điều 47 Quy định này.

Điều 11. Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp do cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) đang sử dụng đất

Việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp do cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi



việc được hưởng trợ cấp) đang sử dụng đất quy định tại Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT được thực hiện cụ thể như sau:

1. Cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) đang sử dụng đất không thuộc đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển quyền đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật, khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường về đất nhưng không được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

2. Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức (cán bộ, công chức, viên chức bao gồm người đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 Quy định này.

Điều 12. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính

Việc bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 78 Luật Đất đai và Điều 7 Quy định này.

Điều 13. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Việc bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 81 Luật Đất đai và Điều 8 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại để tính bồi thường thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

Điều 14. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất của cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng

1. Việc bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.



2. Việc bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải đất ở của cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

3. Việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại để tính bồi thường thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

Điều 15. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở

Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 Luật Đất đai và Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ được thực hiện cụ thể như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở theo quy định pháp luật về cấp phép xây dựng mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư.

b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở theo quy định pháp luật về cấp phép xây dựng mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với các huyện, thành phố Cà Mau có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở. Giao Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau căn cứ vào quỹ đất ở và tình hình thực tế tại địa phương quyết định giao cho hộ gia đình, cá nhân có đất ở bị thu hồi 01 (một) nền trong khu tái định cư, giá đất thu tiền thực hiện theo quy định.

2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương xem xét, đề xuất diện tích đất, diện tích nhà ở để bố trí tái định cư cho từng hộ gia đình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này mà không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc bằng nhà ở tái định cư thì được Nhà nước bồi thường bằng tiền.

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê



mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Trường hợp trong thửa đất ở bị thu hồi hết còn lại diện tích đất nông nghiệp không được công nhận là đất ở thì hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi được chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất đó sang đất ở. Việc chuyển mục đích phải phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt. Hộ gia đình, cá nhân khi chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

6. Tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 4 Quy định này thì việc bồi thường thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trường hợp thu hồi một phần diện tích đất của dự án mà phần còn lại vẫn đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện dự án thì được bồi thường bằng tiền đối với phần diện tích đất thu hồi.

b) Trường hợp thu hồi toàn bộ diện tích đất hoặc thu hồi một phần diện tích đất của dự án mà phần còn lại không đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện dự án thì được bồi thường bằng đất để thực hiện dự án hoặc bồi thường bằng tiền.

c) Đối với dự án đã đưa vào kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường bằng tiền.

Điều 16. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân

Việc bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điều 80 Luật Đất đai và Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện cụ thể như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 4 Quy định này thì được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (nếu có) theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng thì được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều này.



4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất phi nông nghiệp khác có thời hạn sử dụng ổn định lâu dài mà có đủ điều kiện được bồi thường theo quy định của pháp luật khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường về đất theo giá đất ở.

5. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư. Giá đất ở tính thu tiền sử dụng đất, giá bán nhà ở tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 17. Bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đối với đất được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng đã nộp tiền để được sử dụng đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

1. Đất được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng người đang sử dụng đất đã nộp tiền để được sử dụng đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

2. Căn cứ để xác định đã nộp tiền cho cơ quan, tổ chức để được sử dụng đất đối với trường hợp đất giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT.

Điều 18. Bồi thường về đất cho người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất

Việc bồi thường về đất cho người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Điều 19. Bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất

Việc bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Điều 20. Bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất

Việc bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường theo diện tích đất thuộc quyền sử dụng.



2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có giấy tờ xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì bồi thường chung cho các đối tượng có đồng quyền sử dụng đất. Những người có đồng quyền sử dụng đất tự thỏa thuận phân chia tiền bồi thường; văn bản thỏa thuận phải được công chứng, chứng thực.

Trường hợp các đối tượng không tự thỏa thuận được việc phân chia tiền bồi thường thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hướng dẫn các đối tượng ra cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật, tiền bồi thường được chuyển vào Kho bạc Nhà nước. Sau khi có văn bản giải quyết theo quy định pháp luật thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chi trả tiền bồi thường cho các đối tượng. Trong thời gian chờ cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, những người có đồng quyền sử dụng đất có trách nhiệm bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Điều 21. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người

1. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 34 Quy định này.

2. Đối với trường hợp đất ở của hộ gia đình, cá nhân bị sạt lở, sụt lún bất ngờ toàn bộ diện tích thửa đất hoặc một phần diện tích thửa đất mà phần còn lại không còn khả năng tiếp tục sử dụng thì hộ gia đình, cá nhân được bố trí đất ở tái định cư theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

Điều 22. Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư

Việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư mà phải di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng; dự án thu hồi đất liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Điều 23. Xử lý tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp, chi phí đầu tư vào đất còn lại, tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất

Việc xử lý tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp, chi phí đầu tư vào đất còn lại, tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Điều 3, Điều 4 Thông tư số 80/2017/TT-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn



việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do Nhà nước giao quản lý sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất (sau đây gọi là Thông tư số 80/2017/TT-BTC).

Điều 24. Xử lý tiền thuê đất còn lại cho người được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm mà đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm khi Nhà nước thu hồi đất

Việc xử lý tiền thuê đất còn lại cho Người được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nhưng đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm cho Nhà nước thì khi Nhà nước thu hồi đất được trả lại tiền thuê đất đã trả trước còn lại cho thời gian chưa sử dụng được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 80/2017/TT-BTC.

Điều 25. Xử lý về tài sản do Nhà nước giao quản lý khi thu hồi đất và trường hợp tổ chức thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất

Việc xử lý về tài sản do Nhà nước giao quản lý khi thu hồi đất và trường hợp tổ chức thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 80/2017/TT-BTC.

Mục 2 HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 26. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

Việc hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; khoản 1 Điều 2 Nghị định 148/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT được quy định cụ thể như sau:

1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

3. Việc hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 2 Nghị định 148/2020/NĐ-CP như sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có



điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng. Đối với trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

b) Diện tích đất thu hồi quy định tại điểm a khoản này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

4. Việc hỗ trợ ổn định sản xuất thực hiện theo quy định sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp.

b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó. Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối thuộc đối tượng quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) thì được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo hình thức bằng tiền.

6. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động nhưng thời gian trợ cấp không quá 06 tháng.

Điều 27. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT được quy định cụ thể như sau:



1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với đất nông nghiệp thu hồi còn được được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền bằng 0,3 lần giá đất cụ thể của loại đất nông nghiệp được tính bồi thường nhưng không quá 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền bằng 0,3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

3. Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

b) Diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ xác định như sau:

$$\text{Diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ} = \frac{\text{Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi}}{\text{Số nhân khẩu trong hộ gia đình}} \times \text{Số nhân khẩu được hỗ trợ}$$

Trong đó:

Số nhân khẩu trong hộ gia đình là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tính đến thời điểm Nhà nước có Thông báo thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đó.

Số nhân khẩu được hỗ trợ được xác định bao gồm những nhân khẩu không phải là cán bộ; công chức; viên chức; cán bộ, nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp trong hộ gia đình.

Diện tích nông nghiệp bị thu hồi khi tính hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.



4. Người được hỗ trợ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này trong độ tuổi lao động có nhu cầu được đào tạo nghề thì được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề, được tư vấn hỗ trợ tìm kiếm việc làm và được Nhà nước chi trả học phí cho một khóa học đào tạo nghề, tư vấn hỗ trợ tìm kiếm việc làm. Kinh phí hỗ trợ đào tạo học nghề, tư vấn hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho các đối tượng được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và được tính vào tổng vốn đầu tư của dự án. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề phải lấy ý kiến của người bị thu hồi đất thuộc đối tượng chuyển đổi nghề.

Giao Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân gửi cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 28. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở

1. Việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Căn cứ chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi để lập chung vào Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.


Điều 29. Hỗ trợ cho thuê đất để tiếp tục sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng mà người sử dụng đất không được bồi thường về đất

1. Việc hỗ trợ cho thuê đất để tiếp tục sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng mà người sử dụng đất không được bồi thường về đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP.

2. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp danh mục các dự án được Nhà nước cho thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo thẩm quyền.

Điều 30. Hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước

Việc hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước quy định tại Điều 23 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện cụ thể như sau:



Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, có hợp đồng thuê nhà và có hộ khẩu tạm trú tại căn nhà đang thuê từ trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản, mức hỗ trợ là 7.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

Điều 31. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn

Việc hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

1. Trường hợp thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ bằng tiền; mức hỗ trợ bằng giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi.

2. Việc quản lý và sử dụng tiền hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Mục 3

HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 32. Các trường hợp được bố trí tái định cư

Hộ gia đình, cá nhân khi bị Nhà nước thu hồi đất ở thì được bố trí tái định cư trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Quy định này.

Điều 33. Về lập và thực hiện dự án tái định cư

Việc lập và thực hiện dự án tái định cư thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và quy định khác có liên quan.

Điều 34. Bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở

Việc bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở quy định tại Điều 86 Luật Đất đai được quy định cụ thể như sau:

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao trách nhiệm bố trí tái định cư phải thông báo cho người có đất ở thu hồi thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở về dự kiến phương án bố trí tái định cư và niêm yết công khai ít nhất là 15 ngày tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi và tại nơi tái định cư trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bố trí tái định cư. Nội dung thông báo gồm địa điểm, quy mô quỹ đất, quỹ nhà tái định cư, thiết kế, diện tích từng lô đất, căn hộ, giá đất, giá nhà tái định cư; dự kiến bố trí tái định cư cho người có đất thu hồi.

2. Người có đất thu hồi được bố trí tái định cư tại chỗ nếu tại khu vực thu hồi đất có dự án tái định cư hoặc có điều kiện bố trí tái định cư. Ưu tiên vị trí thuận lợi cho người có đất thu hồi sớm bàn giao mặt bằng, người có đất thu hồi là người



cơ công với cách mạng. Phương án bố trí tái định cư đã được phê duyệt phải được công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi và tại nơi tái định cư.

3. Giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư được thực hiện như sau:

a) Giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư được xác định theo quy định của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất cụ thể. Giá đất tại nơi tái định cư của từng dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

b) Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà tái định cư do Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án tái định cư xác định trên cơ sở suất đầu tư nhà ở của dự án tái định cư, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 35. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở

Việc hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 và khoản 4 Điều 86 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường về đất ở nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu quy định tại Điều 36 Quy định này thì được Nhà nước hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất ở.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư là 100 triệu đồng nếu bị thu hồi dưới 60m² đất ở; 120 triệu đồng nếu bị thu hồi từ 60m² đến dưới 100m² đất ở; 140 triệu đồng nếu bị thu hồi từ 100m² đến dưới 150m² đất ở; 150 triệu đồng nếu bị thu hồi từ 150m² đất ở trở lên.

Điều 36. Suất tái định cư tối thiểu

1. Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 4 Điều 86 Luật Đất đai và Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định bằng đất ở với diện tích 60m² tính theo tuyến đường có mức giá thấp nhất trong khu tái định cư và được quy định chung cho tất cả các khu tái định cư.

2. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận đất ở tái định cư mà giá trị suất tái định cư lớn hơn giá trị suất tái định cư tối thiểu thì phải nộp ngân sách nhà nước khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư và giá trị suất tái định cư tối thiểu.



Mục 4 BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN, VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Điều 37. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản, ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất

Nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản, ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định tại Điều 88 Luật Đất đai.

Điều 38. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất

Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp quy định tại Điều 92 Luật Đất đai.

Điều 39. Bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt hợp pháp của cá nhân, hộ gia đình, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất

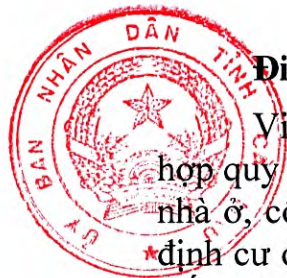
Việc bồi thường đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt đời sống gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc trường hợp được phép xây dựng (phù hợp giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc được miễn giấy phép xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng) hoặc có giấy tờ hợp lệ thông qua các hình thức mua, bán, nhận thừa kế, nhận tặng cho hoặc các hình thức hợp pháp khác khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Đất đai được thực hiện cụ thể như sau:

1. Trường hợp nhà ở, công trình xây dựng phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm theo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì mức bồi thường bằng giá trị xây dựng mới toàn bộ diện tích nhà ở, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương.

2. Trường hợp nhà ở, công trình xây dựng phải tháo dỡ một phần mà phần còn lại của nhà ở, công trình đó vẫn sử dụng được theo tiêu chuẩn, kỹ thuật theo quy định pháp luật thì mức bồi thường bằng tổng giá trị xây mới đối với phần nhà ở, công trình xây dựng phải tháo dỡ và khoản tiền tính bằng 20% giá trị xây mới phần phải tháo dỡ để chủ sở hữu sửa chữa, hoàn thiện phần nhà ở, công trình còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình xây dựng trước khi bị tháo dỡ.

Trường hợp nhà ở bị tháo dỡ một phần mà ranh giới tháo dỡ (ranh giới giải phóng mặt bằng) nằm ở giữa hai cột chịu lực của nhà ở thì diện tích được tính bồi thường là diện tích bị tháo dỡ theo ranh giới tháo dỡ và cộng thêm một khoảng diện tích tính từ ranh giới tháo dỡ đến cột chịu lực gần nhất với ranh giới tháo dỡ.

3. Giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình xây dựng bằng (=) diện tích nhà ở hoặc diện tích, khối lượng công trình được tính bồi thường nhân với (x) đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.



Điều 40. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng hợp pháp khác

Việc bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng khác không thuộc trường hợp quy định tại Điều 39 Quy định này được tạo lập hợp pháp nhưng không phải là nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt ở của cá nhân, hộ gia đình, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đất đai và Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện cụ thể như sau:

1. Trường hợp nhà, công trình phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm theo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì mức bồi thường bằng tổng giá trị hiện có của toàn bộ nhà, công trình bị thiệt hại và khoản tiền tính bằng 10% giá trị hiện có của nhà, công trình đó nhưng mức bồi thường tối đa không lớn hơn 100% giá trị xây mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

2. Trường hợp nhà, công trình chỉ bị phá dỡ một phần nhưng vẫn bảo đảm sử dụng được phần còn lại, thì mức bồi thường bằng tổng giá trị hiện có phần nhà, công trình bị thiệt hại và khoản tiền tính bằng 10% giá trị hiện có của phần nhà, công trình bị thiệt hại đó nhưng mức bồi thường tối đa không lớn hơn 100% giá trị xây mới của phần nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với phần nhà, công trình bị thiệt hại. Ngoài ra, còn được cộng thêm khoản tiền bằng 20% mức bồi thường để chủ sở hữu sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình xây dựng trước khi bị phá dỡ.

Trường hợp nhà bị phá dỡ một phần, ranh giới tháo dỡ (ranh giới giải phóng mặt bằng) nằm ở giữa hai cột chịu lực thì phần diện tích được tính toán bồi thường được xác định là diện tích bị tháo dỡ theo ranh giới tháo dỡ và được tính thêm một khoảng diện tích từ ranh giới tháo dỡ đến cột chịu lực gần nhất với ranh giới tháo dỡ.

3. Giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại được xác định theo công thức sau:

$$Tgt = G1 - \frac{G1}{T} \times T1$$

Trong đó:

Tgt: Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại.

G1: Giá trị xây mới nhà, công trình bị thiệt hại, được tính bằng (=) diện tích nhà, công trình được tính bồi thường nhân với (x) đơn giá xây dựng mới nhà, công trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (UBND tỉnh, Bộ quản lý chuyên ngành).

T: Thời gian khấu hao áp dụng đối với nhà, công trình bị thiệt hại.

T1: Thời gian mà nhà, công trình bị thiệt hại đã qua sử dụng.

4. Nhà, công trình xây dựng thuộc sở hữu Nhà nước giao cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý sử dụng khi bị thiệt hại mà phải xây dựng lại để phục vụ cho hoạt động của cơ quan, đơn vị thì được tính mức bồi



thường bằng giá trị xây mới của nhà, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại làm cơ sở cho việc dự toán kinh phí xây dựng lại. Việc quản lý, sử dụng tiền được bồi thường thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách Nhà nước và quy định về quản lý đầu tư, xây dựng.

5. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đang sử dụng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này thì mức bồi thường tính bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật cùng cấp do cấp có thẩm quyền ban hành. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn lập dự toán chi phí di dời, lắp đặt, xây dựng lại, gửi cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phê duyệt để làm căn cứ bồi thường. Nếu công trình không còn sử dụng hoặc thực tế không sử dụng thì không được bồi thường.

Trong trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án phải di chuyển mà chưa được xếp loại vào cấp tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc sẽ nâng cấp tiêu chuẩn kỹ thuật thì Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư dự án để xác định cấp tiêu chuẩn kỹ thuật để bồi thường.

6. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất có thể tháo dỡ và di chuyển được, thì chỉ được bồi thường các chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Quy định này.

Điều 41. Bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước

1. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà được cơ quan quản lý nhà ở ký hợp đồng cho thuê hoặc nhà ở tập thể do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê, sử dụng nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi như trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp. Mức bồi thường được quy định cụ thể như sau:

a) Được bồi thường mức 100% các chi phí sửa chữa phục vụ sinh hoạt thiết yếu đã phát sinh trước ngày có thông báo thu hồi đất và trong phạm vi nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước như: Chống ngập nền, chống dột mái, chống sập (nếu có) và các công trình phục vụ sinh hoạt cần thiết (nhà vệ sinh, bếp...). Giá trị phần sửa chữa được xác định bằng đơn giá xây dựng nhân với tỷ trọng kết cấu trong đơn giá xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Được bồi thường, hỗ trợ chi phí lắp đặt điện, nước, điện thoại có định phát sinh trước thời điểm có thông báo thu hồi đất theo quy định.

c) Diện tích nhà ở đã được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại, xây dựng thêm mà được cơ quan quản lý nhà thuộc sở hữu nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép thì được bồi thường tương tự quy định tại Điều 39 Quy định này, trừ trường hợp nhà ở được cấp giấy phép tạm theo quy định pháp luật về xây dựng hoặc trong hồ sơ cho phép có quy định nhà ở không được bồi thường.



2. Người đang sử dụng nhà thuộc sở hữu Nhà nước bị phá dỡ được thuê nhà nơi tái định cư; giá thuê nhà là giá thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước; nhà thuê tại khu tái định cư được Nhà nước bán theo quy định của Chính phủ về bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê; trường hợp đặc biệt không có nhà tái định cư để bố trí tái định cư thì được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới với mức hỗ trợ bằng 60% giá trị đất và 60% giá trị nhà đang thuê, giá đất làm căn cứ tính hỗ trợ là giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

3. Ngoài việc thực hiện xác minh, đo đạc, kiểm đếm theo quy định, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phải phối hợp với đơn vị quản lý nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước để xác định đối tượng và các thông tin có liên về nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước để làm cơ sở xác định bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 42. Bồi thường về di chuyển mồ mã

Đối với việc di chuyển mồ mã không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì người có mồ mã phải di chuyển được bố trí đất và được bồi thường chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp quy định tại Điều 18 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

1. Bồi thường chi phí đào, bốc, di dời và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp đến việc cải táng bình quân cho tất cả các loại mộ là 25.000.000 đồng/mộ.

2 Bồi thường chi phí xây dựng mới lại mộ: Tùy theo đặc điểm cụ thể của từng loại mộ, chi phí bồi thường được tính theo đơn giá mộ cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; trường hợp đối với loại mộ có kết cấu đặc biệt, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có quy định giá thì được lập dự toán xây dựng, chuyển cơ quan chuyên môn thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

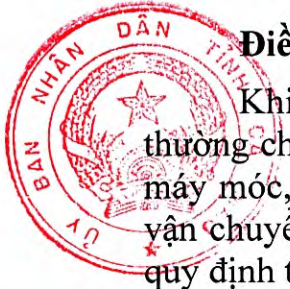
3. Trường hợp thân nhân người chết có nguyện vọng và tự di chuyển mồ mã vào nghĩa trang, nghĩa địa tập trung, ngoài số tiền được bồi thường theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn được hỗ trợ một suất mộ hung táng và chôn cất một lần với mức giá thấp nhất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại nghĩa trang, nghĩa địa nơi gần ngôi mộ nhất.

4. Trường hợp mộ không có bia mộ hoặc mộ không có thân nhân thì sau khi hết thời hạn thông báo bốc mộ, giao Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ bốc mộ, hỏa táng, cải táng, di dời mộ theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

5. Trường hợp có quy định pháp luật khác về việc hỗ trợ đối với việc di chuyển mồ mã thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 43. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi

Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với cây trồng và vật nuôi thủy sản thì việc bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi thực hiện theo quy định tại Điều 90 Luật Đất đai, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định khác có liên quan.



Điều 44. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất

Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt. Mức bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 91 Luật Đất đai được quy định cụ thể như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở thì được bồi thường chi phí di chuyển cụ thể như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở nhưng chỉ di chuyển sang bên cạnh, lùi về phía trước hoặc lùi về phía sau trên phần đất còn lại thì được bồi thường chi phí di chuyển là 7.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

b) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở trong phạm vi của huyện thì được bồi thường chi phí di chuyển là 12.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

c) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở ra ngoài phạm vi của huyện nhưng vẫn trong phạm vi của tỉnh thì được bồi thường chi phí di chuyển là 15.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

d) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở ra ngoài tỉnh thì được hỗ trợ di chuyển là 20.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

đ) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở chỉ bị ảnh hưởng một phần nhà, phần còn lại vẫn tiếp tục sử dụng để ở thì không được hỗ trợ di chuyển chỗ ở.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt (trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt).

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào giá bình quân phổ biến trên thị trường tại thời điểm thu hồi đất để lập hoặc thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân lập dự toán chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất đối với các trường hợp phải di chuyển tài sản, gửi cơ quan chuyên môn về quản lý nhà nước thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phê duyệt chi phí cho từng trường hợp để làm căn cứ thực hiện bồi thường.

Điều 45. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ

1. Việc bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ quy định tại Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:



a) Trường hợp làm thay đổi mục đích sử dụng đất thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

b) Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì mức bồi thường thiệt hại được thực hiện như sau:

Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất trong hành lang bảo vệ an toàn của công trình nhưng hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường bằng tiền bằng (=) 40% mức giá bồi thường của giá đất cùng loại theo bảng giá các loại đất của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhân (x) với diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng.

Trường hợp đặc biệt, giao tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đề xuất mức giá bồi thường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công thương và các đơn vị có liên quan xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.

c) Khi hành lang bảo vệ an toàn công trình chiếm dụng khoảng không trên 70% diện tích thửa đất có nhà ở, công trình xây dựng thì phần diện tích đất còn lại cũng được bồi thường theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

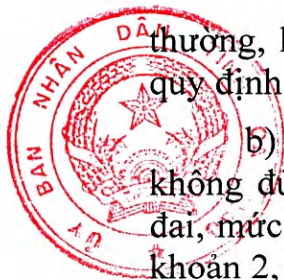
d) Nhà ở, công trình xây dựng khác và các tài sản khác gắn liền với đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn bị thiệt hại do phải giải tỏa thì được bồi thường mức thiệt hại theo quy định.

đ) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất trong hành lang an toàn thì được bố trí tái định cư; được bồi thường chi phí di chuyển và được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất theo Quy định này.

2. Việc bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo Điều 18 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trong hành lang an toàn đường dây dẫn điện trên không mà không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không điện áp đến 220 kV theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ) thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích nhà ở, công trình do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một (01) lần như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không; mức bồi



thương, hỗ trợ bằng tiền bằng (=) 70% mức bồi thường, hỗ trợ tương ứng theo quy định tại Điều 39 và khoản 1 Điều 52 Quy định này.

b) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai, mức hỗ trợ bằng tiền bằng (=) 70% mức hỗ trợ tương ứng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 52 Quy định này.

c) Nhà ở, công trình được xây dựng trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Trường hợp nhà, công trình phải cải tạo, tháo dỡ một phần và sửa chữa phần còn lại để đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì Chủ đầu tư lưới điện cao áp có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cải tạo nhà ở, công trình để đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP; phần nhà, công trình phải tháo dỡ được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 39 và khoản 1 Điều 52 của Quy định này. Phần nhà, công trình còn lại được tính hỗ trợ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP.

Trường hợp nhà ở, công trình không thể cải tạo được để đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP, mà phải dỡ bỏ hoặc di dời, thì chủ sở hữu nhà ở, công trình được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 39 và khoản 1 Điều 52 của Quy định này, quy định khác có liên quan.

3. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, có trước khi triển khai thông báo thu hồi đất để xây dựng lưới điện, phải chặt bỏ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì thực hiện bồi thường theo Điều 43 Quy định này.

Mục 5 HỖ TRỢ KHÁC

Điều 46. Hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng mà không đủ điều kiện được bồi thường

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đã sử dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày Luật Đất đai có hiệu lực thi hành mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai thì được hỗ trợ khác bằng tiền bằng giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

Điều 47. Hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp vượt hạn mức do nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân



Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng phần diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 do được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ người khác theo quy định của pháp luật nhưng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai thì phần diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp được hỗ trợ khác bằng tiền bằng giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi.

Điều 48. Hỗ trợ khác đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng

Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận việc thu hồi đất ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người thu hồi đất thì được hỗ trợ khác để bảo đảm ổn định đời sống và sản xuất. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương; thời gian hỗ trợ không quá 06 tháng. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau xem xét, quyết định thời gian hỗ trợ cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 49. Hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng là đất có nhà ở mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có hành vi vi phạm pháp luật Đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2004

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng là đất có nhà ở mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp thì được hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Trường hợp đất đang sử dụng là đất có nhà ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, khi Nhà nước thu hồi đất thì được được hỗ trợ khác bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 50% giá đất ở của thửa đất đó theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; diện tích được hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở tối đa tương ứng với từng khu vực xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Trường hợp đất đang sử dụng là đất có nhà ở từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ khác bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 30% giá đất ở của thửa đất đó theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; diện tích được hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở tối đa tương ứng với từng khu vực xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Trường hợp đất đang sử dụng là đất có nhà ở kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau thì không xem xét hỗ trợ.



Điều 50. Hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng là đất có công trình xây dựng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có hành vi vi phạm pháp luật Đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2004

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có công trình xây dựng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp thì được hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Trường hợp đất đang sử dụng là đất có công trình xây dựng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì được hỗ trợ khác bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 50% giá đất phi nông nghiệp của thửa đất đó theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, diện tích được hỗ trợ là diện tích đất phi nông nghiệp thực tế bị thu hồi.

2. Trường hợp đất đang sử dụng là đất có công trình xây dựng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp đã sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì được hỗ trợ khác bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 30% giá đất phi nông nghiệp của thửa đất đó theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, diện tích được hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế bị thu hồi.

3. Trường hợp đất đang sử dụng là đất có công trình xây dựng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau thì không xem xét hỗ trợ.

Điều 51. Hỗ trợ khác đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở

1. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư thì trong thời gian chờ bố trí vào khu tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Mức hỗ trợ là 3.000.000 đồng/tháng cho một hộ gia đình có từ bốn (04) nhân khẩu trở xuống, trường hợp hộ gia đình có trên bốn (04) nhân khẩu thì mỗi một nhân khẩu tăng thêm sẽ được tính thêm 500.000 đồng/nhân khẩu/tháng; thời gian được hỗ trợ tiền thuê nhà tính từ ngày người bị thu hồi đất giao mặt bằng cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng đến thời điểm được bố trí vào khu tái định cư nhưng không dưới 06 tháng. Trường hợp nhận đất không có nhà ở trong khu tái định cư thì còn được hỗ trợ thêm 06 tháng để người nhận đất tái định cư tự xây dựng nhà ở.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo chỗ ở được hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Mức hỗ trợ là 3.000.000 đồng/tháng cho một hộ gia đình có từ bốn (04) nhân khẩu trở xuống, trường hợp hộ gia đình có trên bốn (04) nhân khẩu thì mỗi một nhân khẩu tăng thêm sẽ được tính thêm 500.000 đồng/nhân khẩu/tháng; thời gian được hỗ trợ tiền thuê nhà là 06 tháng.

Điều 52. Hỗ trợ khác về thiệt hại về nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt không được phép xây dựng của hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất



1. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình không được phép xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng nhưng đã được xây dựng trên đất đủ điều kiện được bồi thường về đất và xây dựng trước ngày có thông báo thu hồi đất thì được hỗ trợ theo quy định sau:

a) Nếu xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì được hỗ trợ bằng với mức bồi thường quy định tại Điều 39 Quy định này.

b) Nếu xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 về sau nhưng tại thời điểm xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo ngăn chặn và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hành lang bảo vệ công trình chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố, cấm mốc theo quy định hoặc tại thời điểm xây dựng nhà, công trình xây dựng đó phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình thì được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường quy định tại Điều 39 Quy định này; trường hợp công tác công bố, cấm mốc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hành lang bảo vệ công trình đã được thực hiện đúng quy định pháp luật nhưng chủ nhà, công trình xây dựng đã cố tình vi phạm xây dựng thì không được bồi thường, hỗ trợ. Trong trường hợp đặc biệt, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xem xét, đề xuất mức hỗ trợ cho từng trường hợp cụ thể, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt không được phép xây dựng, đã được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất nhưng tại thời điểm xây dựng mà chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố hoặc xây dựng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình thì chỉ được xem xét hỗ trợ theo quy định sau:

a) Thời điểm xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006, được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại Điều 39 Quy định này.

b) Thời điểm xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 về sau thì tùy từng trường hợp cụ thể, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đề xuất Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xem xét hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 30% mức bồi thường theo quy định tại Điều 39 Quy định này.

3. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt không được phép xây dựng nhưng đã được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường, mà khi xây dựng đã vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấm mốc thì chỉ được xem xét hỗ trợ theo quy định sau:

a) Nếu xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà tại thời điểm xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo ngăn chặn và có nguyên nhân do công tác công bố, cấm mốc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cấm mốc hành lang bảo vệ công trình không được thực hiện theo quy định pháp luật thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đề xuất Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xem xét hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 50% mức bồi thường theo quy định tại Điều 39 Quy định này. Trường hợp công tác công bố, cấm mốc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cấm mốc hành lang bảo vệ công trình đã được thực hiện đúng quy định nhưng chủ



sở hữu nhà, công trình xây dựng đã cố tình vi phạm xây dựng hoặc trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có thông báo ngăn chặn thì không được hỗ trợ.

b) Nếu xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 về sau thì không được hỗ trợ.

4. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định mà khi xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo không được phép xây dựng thì không được bồi thường, không được hỗ trợ; người có nhà ở, công trình xây dựng trái phép đó buộc phải tự phá dỡ và tự chịu chi phí phá dỡ trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền thực hiện phá dỡ.

5. Nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại, xây dựng thêm diện tích mà không thuộc trường hợp được bồi thường nhưng đã phát sinh trước thời điểm có thông báo thu hồi đất và cá nhân, hộ gia đình đang thuê trả đầy đủ tiền thuê nhà ở theo quy định, thì được xem xét hỗ trợ. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 53. Hỗ trợ khác về chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất

Hộ gia đình, cá nhân xây dựng nhà ở, công trình, vật kiến trúc trên đất không phải là đất ở hoặc trên đất của người khác nhưng đã xây dựng trước thời điểm Nhà nước ban hành thông báo thu hồi đất, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước hỗ trợ khoản tiền để di chuyển là 7.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

Điều 54. Hỗ trợ khác cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng chính sách, hộ nghèo

Đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng chính sách (có giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) khi nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 44 và Điều 53 Quy định này còn được hỗ trợ thêm một khoản bằng tiền theo mức quy định như sau:

1. Bà mẹ Việt Nam Anh hùng đang hưởng trợ cấp hàng tháng: Mức hỗ trợ là 15.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

2. Thương binh, bệnh binh hạng 1/4, 2/4 đang hưởng trợ cấp hàng tháng: Mức hỗ trợ là 10.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân..

3. Thương binh, bệnh binh hạng 3/4, 4/4 đang hưởng trợ cấp hàng tháng: Mức hỗ trợ là 7.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

4. Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng: Mức hỗ trợ là 5.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà tại thời điểm bị thu hồi đất có mức sống thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố trong từng thời kỳ (có sổ hộ nghèo do cấp thẩm quyền cấp) thì được hỗ trợ cho mỗi nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30



kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương; thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

6. Trường hợp một người thuộc nhiều diện ưu đãi được xét hỗ trợ hoặc trong một hộ gia đình có nhiều thành viên thuộc diện ưu đãi được xét hỗ trợ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này thì chỉ được hỗ trợ theo mức chính sách cao nhất.

Điều 55. Hỗ trợ khác cho hộ gia đình, cá nhân di dời và bàn giao mặt bằng đúng thời hạn quy định

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất mà chấp hành tốt kế hoạch thu hồi đất, chủ trương, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng đúng thời hạn thì được hỗ trợ một khoản bằng tiền bằng 1% số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt nhưng không thấp hơn 2.000.000 đồng/hộ và không vượt quá 10.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

Điều 56. Hỗ trợ khác đối với hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các trường hợp khác

Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 26, 27, 28, 30, 31 35, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54 và 55 Quy định này, đối với hộ gia đình, cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các trường hợp khác khi Nhà nước thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thu hồi đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ, biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống và sản xuất cho từng trường hợp cụ thể.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 57. Giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương và tính chất, quy mô của từng dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gồm:

- a) Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện;
- b) Tổ chức phát triển quỹ đất.

2. Trường hợp giao việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thu hồi quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Thành phần Hội đồng bao gồm:

- a) Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện là Chủ tịch Hội đồng;
- b) Đại diện lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường là Phó Chủ tịch Hội đồng;
- c) Các thành viên của Hội đồng gồm: Đại diện cơ quan Tài chính - Kế hoạch; đại diện Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp huyện; chủ đầu tư; đại diện Ủy ban



nhân dân cấp xã có đất bị thu hồi; đại diện của những hộ gia đình bị thu hồi đất từ một đến hai người và một số thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phù hợp với thực tế tại địa phương.

3. Trách nhiệm của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai.

4. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập kế hoạch cụ thể để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng của từng dự án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và được thuê đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện các dịch vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 58. Lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai và Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Hồ sơ bồi thường hỗ trợ và tái định cư gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh; gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án. Hồ sơ bồi thường hỗ trợ và tái định cư gồm:

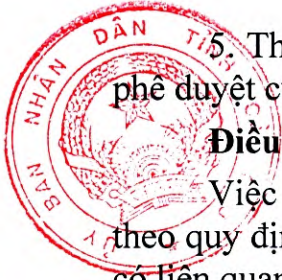
- a) Tờ trình về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- b) Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- c) Bản tổng hợp ý kiến đóng góp của người dân trong khu vực có đất thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai (bản chính).
- d) Thông báo thu hồi đất (bản chính).

đ) Hồ sơ điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (01 bản chính và 03 bản photo có đóng dấu đối chiếu đúng với bản chính). Trong đó, những giấy tờ khác có liên quan như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất, sổ hộ khẩu (nếu có),..... cung cấp kèm theo (đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm về tính pháp lý kiểm tra, đối chiếu bản chính, photto và đóng dấu đối chiếu trước khi cung cấp kèm theo hồ sơ trình thẩm định).

- e) Dự thảo Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- g) Các văn bản có liên quan đến thực hiện dự án (chủ trương đầu tư, quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư,...).

3. Việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT.

4. Thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định tại Điều 66 và khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai.



5. Thời gian thẩm định phương án thực hiện đúng theo kế hoạch cụ thể được phê duyệt của từng dự án.

Điều 59. Tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Việc tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai và quy định khác có liên quan.

Điều 60. Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất bị thu hồi thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai, Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, khoản 7 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP và quy định khác có liên quan.

Điều 61. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, quy định của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định khác có liên quan.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 62. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất bị thu hồi có trách nhiệm:

- a) Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn.
- b) Ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật.
- c) Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- d) Tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất, giải quyết khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế thu hồi đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại; thực hiện phương án tái định cư trước khi thực hiện cưỡng chế.
- đ) Chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cùng cấp lập và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.
- e) Chỉ đạo, tổ chức, tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành chủ trương thu hồi đất; chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng thời gian quy định.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm:

- a) Tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án.



b) Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

c) Xác nhận về nguồn gốc, thời điểm bắt đầu sử dụng đất, mục đích sử dụng đất và tình trạng tranh chấp đất đai đối với trường hợp người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp Luật Đất đai trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, khóm, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất thu hồi.

d) Xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

đ) Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 69, 70 và 71 Luật Đất đai và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị cấp huyện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá đất để tính bồi thường, các mức hỗ trợ, biện pháp hỗ trợ và tái định cư.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất đối với dự án mà phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.



b) Hướng dẫn việc xác định quy mô, diện tích, tính chất hợp pháp, không hợp pháp của các công trình xây dựng gắn liền với đất bị thu hồi làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường và hỗ trợ cho từng đối tượng.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xác định vị trí, quy mô khu tái định cư cho phù hợp với quy hoạch phát triển chung của địa phương, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

d) Hướng dẫn Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng áp dụng pháp luật bồi thường đối với tài sản là nhà, công trình, vật kiến trúc khi Tổ chức này có yêu cầu.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan thẩm định dự toán chi phí di dời, lắp đặt, xây dựng lại các công trình xây dựng là nhà xưởng, kho tàng, công trình cấp thoát nước và các công trình xây dựng khác khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng có yêu cầu.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập và thực hiện các dự án tái định cư.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan thẩm định dự toán chi phí di dời, lắp đặt và xây dựng lại các công trình giao thông khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có yêu cầu

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Sở Công Thương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan thẩm định dự toán bồi thường, chi phí di dời và lắp đặt, xây dựng lại đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật là công trình điện khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có yêu cầu.

b) Hướng dẫn về việc xác định nhà, công trình, vật kiến trúc và cây trồng đủ hoặc không đủ điều kiện tồn tại trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo quy định của Chính phủ về an toàn điện khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có yêu cầu.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:



a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan thẩm định dự toán chi phí di dời, lắp đặt, xây dựng lại các công trình hạ tầng kỹ thuật là công trình thông tin liên lạc khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có yêu cầu.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan thẩm định dự toán bồi thường hoặc xây dựng lại đối với công trình hạ tầng kỹ thuật là công trình thủy lợi, công trình lâm sinh; thẩm định giá trị bồi thường đối với tài sản là rừng, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có yêu cầu.

b) Hướng dẫn Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng áp dụng pháp luật bồi thường đối với tài sản là cây trồng, vật nuôi khi có yêu cầu.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho các nhân khẩu trong độ tuổi lao động của hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, mức hỗ trợ đối với từng loại hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi; thẩm định Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi đến, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Hướng dẫn việc xác định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có yêu cầu.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính và các cơ quan có liên quan, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.



11. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan thẩm định Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng gửi đến, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

b) Hướng dẫn việc xác định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có yêu cầu.

c) Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

12. Phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau và Phòng Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Hướng dẫn việc xác định quy mô, diện tích, tính chất hợp pháp, không hợp pháp của các công trình xây dựng gắn liền với đất bị thu hồi làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường và hỗ trợ cho từng đối tượng.

c) Hướng dẫn Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng áp dụng pháp luật bồi thường đối với tài sản là nhà, công trình, vật kiến trúc khi Tổ chức này có yêu cầu.

d) Thẩm định dự toán chi phí di dời, lắp đặt, xây dựng lại các công trình xây dựng là nhà xưởng, kho tàng, công trình cấp thoát nước và các công trình xây dựng khác khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng có yêu cầu.

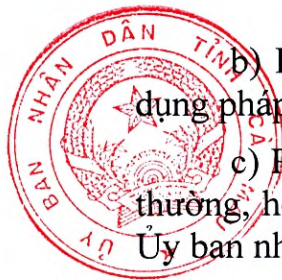
13. Phòng Kế hoạch - Tài chính

a) Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất đối với dự án mà phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

14. Phòng Nông nghiệp hoặc Phòng Kinh tế có trách nhiệm:

a) Thẩm định dự toán bồi thường hoặc xây dựng lại đối với công trình hạ tầng kỹ thuật là công trình thủy lợi, công trình lâm sinh; thẩm định giá trị bồi thường đối với tài sản là rừng, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, con giống khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng có yêu cầu.



b) Hướng dẫn Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng áp dụng pháp luật bồi thường đối với tài sản là cây trồng, vật nuôi khi có yêu cầu.

c) Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 64: Trách nhiệm của Chủ dự án

1. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và bàn giao mốc giới giải phóng mặt bằng cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định phê duyệt phương án của cấp có thẩm quyền.

3. Phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và các đơn vị có liên quan trả lời các vấn đề có liên quan đến dự án đầu tư.

Điều 65. Quy định chuyển tiếp

1. Việc xử lý những vấn đề phát sinh thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai, Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và khoản 8 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

2. Đối với những công trình, dự án, hạng mục đã có quyết định thu hồi đất và đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; những công trình, dự án, hạng mục đã có quyết định thu hồi đất và đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường hỗ trợ tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 66. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.